

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DSST

Ngày: 29-7-2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Võ Đức Hợi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Trọng Búp.

2. Ông Y Đo Niê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Công Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk tham gia phiên toà: Ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M1, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2020/TLST- DS ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà H, sinh năm 1987. Địa chỉ: buôn M, xã K, huyện M1, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: ông La Văn T, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư La Minh đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: vợ chồng ông Y sinh năm 1974, bà H1 sinh năm 1980. Địa chỉ: buôn M, xã K, huyện M1, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: bà Nguyễn Thị X, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người phiên dịch cho vợ chồng ông Y, bà H1: ông Y1, sinh năm 1959. Địa chỉ: buôn M2, xã K, huyện M1, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Người làm chứng:

+ cháu H2, sinh ngày 18/8/2004. Địa chỉ: buôn M, xã K, huyện M1, tỉnh

Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật cho cháu H2: bà H1 sinh năm 1980. Địa chỉ: buôn M, xã K, huyện M1, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

+ cháu H3, sinh ngày 01/6/2004. Địa chỉ: buôn M, xã K, huyện M1, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật cho cháu H3: bà H, sinh năm 1987. Địa chỉ: buôn M, xã K, huyện M1, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:**

Do có quen biết và là người cùng buôn, nên bà H cho vợ chồng ông Y, bà H1 vay 800.000.000đồng nợ gốc vào các lần cụ thể như sau:

- Lần 01 vay 200.000.000đồng vào ngày 17/12/2019;
- Lần 02 vay 200.000.000đồng vào ngày 25/12/2019;
- Lần 03 vay 400.000.000đồng vào ngày 30/01/2020.

Bà H đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Y, bà H1 trả nợ nhưng đến nay vẫn chưa trả. Bà H yêu cầu vợ chồng ông Y, bà H1 phải trả 800.000.000đồng nợ gốc và lãi suất phát sinh tính từ ngày vay cho đến ngày xét xử với mức lãi suất 10%/năm. Tiền lãi tiếp tục được tính trên nợ gốc đến khi trả hết nợ theo giấy vay tiền ngày 17/12/2019, ngày 25/12/2019 và ngày 30/01/2020.

*** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:**

Vợ chồng ông Y, bà H1 công nhận có vay tiền của bà H. Nhưng theo giấy xác nhận nợ thì số tiền vay đã bao gồm cả gốc và lãi suất(10.000đồng/triệu/ngày). Cụ thể, mỗi lần vay và nhận tiền thì bà H đều trừ tiền lãi suất vào tiền gốc, cụ thể trên thực tế tiền vay được tính toán như sau:

- Lần 01 vay 200.000.000đồng vào ngày 17/12/2019, nhưng chỉ nhận được 140.000.000đồng, số tiền không được nhận 60.000.000đồng là tiền lãi suất được cộng vào tiền nợ gốc.

- Lần 02 vay 200.000.000đồng vào ngày 25/12/2019 cũng tương tự như lần một, chỉ nhận được 140.000.000đồng, còn 60.000.000đồng là tiền lãi suất.

- Lần 03 vay 400.000.000đồng vào ngày 30/12/2019, nhưng chỉ nhận được 280.000.000đồng, số tiền 120.000.000đồng là tiền lãi suất được cộng vào số nợ gốc.

Trong thời gian vay, bà H1 đã nhiều lần trả nợ gốc và tiền lãi cho bà H. Nhưng các bên không viết giấy xác nhận, không có người làm chứng. Vì lý do tin tưởng nhau, số tiền mà bà H1 đã trả cho bà H là 610.000.000 đồng trong tổng

số tiền vay 800.000.000đồng. Vì vậy, vợ chồng ông Y, bà H1 chỉ chấp nhận trả số tiền còn nợ lại bà H là 190.000.000đồng.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung, yêu cầu của nguyên đơn là chính đáng, nên cần chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thảo luận, HĐXX nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại: buôn M, xã K, huyện M1, tỉnh Đắk Lắk, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M1, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về nội dung:

2.1. Các bên đều thừa nhận bị đơn nợ của nguyên đơn 800.000.000đồng vào các ngày 17 - 25/12/2019 và ngày 30/01/2020 là sự thật. Giao dịch vay mượn tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không trái với đạo đức xã hội, không vi phạm pháp luật. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Bị đơn cho rằng trong 03 lần vay, với tổng số tiền 800.000.000đồng thì nguyên đơn đều lấy trước tiền lãi, tiền lãi được cộng vào tiền gốc tại thời điểm cho vay. Cụ thể số tiền theo giấy nợ là 800.000.000đồng, nhưng số tiền thực nhận chỉ 560.000.000đồng, số tiền còn lại 240.000.000đồng là tiền lãi suất được cộng vào nợ gốc. Tuy nhiên, giấy vay tiền giữa các bên chỉ thể hiện với nội dung số tiền vay và trách nhiệm của người vay, mà không thỏa thuận về tiền lãi cũng như các cam kết khác để thể hiện lời trình bày của bị đơn là sự thật khách quan, nên không đủ cơ sở để HĐXX xem xét.

Ngoài ra bị đơn còn cho rằng trong quá trình vay, bị đơn đã trả cho nguyên đơn 610.000.000đồng, chỉ còn nợ lại 190.000.000đồng. Đối với yêu cầu phản tố này, bị đơn chỉ cung cấp cho Tòa án giấy tờ ghi những thông tin cá nhân về số tiền trả, không có xác nhận của nguyên đơn hay người làm chứng. Như vậy, chứng cứ do bị đơn cung cấp không có giá trị về mặt pháp lý để chứng minh cho yêu cầu phản tố của mình, mặt khác nguyên đơn cũng không thừa nhận bị đơn đã trả cho nguyên đơn bất kỳ một khoản tiền nào. Do đó, HĐXX không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Từ các nhận định nêu trên, HĐXX căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn đối với số tiền 800.000.000đồng theo giấy vay tiền vào các ngày 17/12/2019; 25/12/2019 và ngày 30/01/2020.

2.3. Về lãi suất: Do vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng vay tài sản, bị đơn không chứng minh được các khoản tiền đã trả cho nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu tiền lãi suất đối với số tiền vay. Nguyên đơn yêu cầu lãi suất 10%/năm, từ thời điểm cho vay cho đến ngày xét xử là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền lãi phát sinh theo từng thời điểm vay, cụ thể như sau:

- Lãi suất của số tiền 200.000.000đồng, vay từ ngày 17/12/2019 đến ngày 29/7/2020(255 ngày). $200.000.000\text{đồng} \times 10\% \times (255 : 365 \text{ ngày}) = 13.972.500\text{đồng}$;

- Lãi suất của số tiền 200.000.000đồng, vay từ ngày 17/12/2019 ngày 25/12/2019 đến ngày 29/7/2020(217 ngày). $200.000.000\text{đồng} \times 10\% \times (217 : 365) = 11.890.000\text{đồng}$;

- Lãi suất của số tiền 400.000.000đồng, vay từ ngày 17/12/2019 ngày 30/01/2020 đến ngày 29/7/2020(181 ngày). $400.000.000\text{đồng} \times 10\% \times (181 : 365 \text{ ngày}) = 19.835.500\text{đồng}$.

Tổng tiền lãi suất của 03 khoản tiền vay là: 45.698.000đồng.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm: {36.000.000đ + (45.698.000đ x 3%)}. Bị đơn thuộc hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn tiền án phí. Xét miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 280, Điều 357 Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng ông Y, bà H1 phải trả cho bà H 845.698.000đồng (gồm: 800.000.000đồng nợ gốc và 45.698.000đồng) theo giấy vay tiền ngày 17/12/2019, 25/12/2019 và ngày 30/01/2020.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bị đơn thuộc hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Xét miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn.

Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M1;
- THADS huyện M1;
- Đương sự;
- Vp, Kế toán;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Võ Đức Hợi